

GIÁO DỤC & ĐẠI HỌC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

ĐỖ NGUYỄN



Những nghiên cứu gần đây cho thấy giáo dục đóng một vai trò tích cực trong nỗ lực phát triển kinh tế quốc dân. Thậm chí đã có những nghiên cứu phần nào thành công trong việc du nhập yếu tố giáo dục như là một trong những nhập lượng chủ

yếu của phương trình sản xuất bên cạnh ba yếu tố tư bản (vốn), lao động và tiến bộ kỹ thuật ($P = f(K, L, T)$), bởi vì chính giáo dục là một nhân tố quyết định trong việc tạo ra và triển khai các tiến bộ kỹ thuật mà hậu quả hiển nhiên là nâng cao năng suất lao

động.

Giáo dục ở bậc cao, chuyên nghiệp và đại học, làm phong phú thị trường nhân công và cung cấp cho thị trường này một lực lượng lao động có tay nghề và chuyên môn cao, đáp ứng được số cầu đa dạng của nền kinh tế ngày nay, trong đó, ảnh hưởng của khoa học và kỹ thuật hiện đại ngày càng phát huy mạnh mẽ và sâu rộng hơn.

Ngay cả đối với lao động giản đơn, sự nâng cao trình độ kiến thức tổng quát, thông qua giáo dục phổ thông, giúp cho người lao động không những nhận biết, thích nghi một cách nhanh chóng và dễ dàng với các phương thức và công cụ sản xuất hiện đại mà còn có thể, trong quá trình lao động trực tiếp, tự cải thiện được phương thức làm việc của mình cũng như đóng góp tích cực vào sự cải thiện phương thức sản xuất hiện hữu của xí nghiệp và nhà máy, người lao động cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn; đây chính là yếu tố tâm lý quan trọng thúc đẩy việc gia tăng năng suất lao động chung của toàn xã hội.

Nếu trước đây người ta thường ca tụng phương thức sản xuất theo dây chuyền của Taylor, bỏ qua các yếu tố tâm sinh lý, môi trường lao động và coi người thợ như một cơ phận trong bộ máy sản xuất như là một phương thức tối ưu để đưa năng suất lao động tăng nhanh, thì kể từ vài ba thập niên trở lại đây, với sự phát triển của tự động hóa và sau đó là các phát minh trong lãnh vực điện tử và tin học cũng như hiệu quả kinh tế cao của phương thức quản lý kinh doanh và sản xuất kiểu Nhật Bản, hầu hết các nhà quản lý đã dần dần thấy rõ được những yêu cầu bức thiết về trình độ giáo dục kiến thức phổ thông trong hàng ngũ công nhân và vị trí quan trọng của giáo dục trong phát triển sản xuất và kinh tế xã hội. Nhìn lại nền giáo dục Việt Nam trong nhiều năm qua, trong các cải tổ giáo dục được đưa ra áp dụng, hình như các yêu cầu phát triển chung của xã hội và của nền kinh tế chưa được quan tâm đúng mức. Sự hình thành nền giáo dục, nhất là giáo dục đại học đã dựa trên khuôn mẫu không mấy thích hợp đối với trình độ phát triển xã hội và kinh tế đương thời.

Trong nền kinh tế kế hoạch hóa toàn diện, giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đã chỉ nhằm đào tạo một đội ngũ nhân sự chuyên môn hạn hẹp, những chỉ tiết cho một cỗ máy mà lãng quên yếu tố thẩm mỹ (chân, thiện, mỹ) vốn là ước vọng lớn của con người. Khởi đầu từ chỗ coi nhẹ việc trao cho học sinh ở trình độ giáo dục phổ thông những kiến thức phổ

quát và tri thức thẩm mỹ (chỉ mới trong vài năm gần đây với chính sách coi mở, nhạc, họa, đạo đức, ngoại ngữ mới được đưa vào chương trình giáo dục), trong khi đó ở cấp học cao hơn (và hình như chưa có gì thay đổi đáng kể trong chương trình giảng huấn) những kiến thức chính trị khuôn sáo và mang tính áp đặt đã chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng thời lượng học tập của sinh viên khiến họ không phát huy được óc sáng tạo. Vì chỉ nhằm cung cấp nhân sự cho guồng máy điều hành và quản lý của nhà nước nên giáo dục đại học đã bị phân tán mạnh mẽ, gần như mất bỏ quan trọng trong chính phủ đều quản lý một trường đại học riêng như trường đại học kỹ thuật thủy lợi, đại học ngân hàng, đại học thủy sản v.v..., tính độc lập và chủ động trong nếp suy nghĩ vốn cần thiết cho các phát kiến và lập thuyết đã bị giới hạn và điều này đã khiến cho vai trò của đại học bị sút giảm và ở một tầm mức nào đó, trở thành một điểm tắc nghẽn (bottleneck) trong quá trình đổi mới và phát triển kinh tế xã hội nhất là khi nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường được chấp nhận như hiện nay.

Sự phát triển của giáo dục đại học tại hầu hết các quốc gia trên thế giới dựa trên nguyên tắc truyền thống căn bản là tự do và dân chủ. Hai nguyên tắc này làm nảy sinh ra các trường phái và trào lưu tư tưởng đa dạng và vượt ra khỏi ranh giới giai cấp trong xã hội. Dưới chế độ quân chủ tại nước ta chẳng hạn, các thầy đồ và ngay cả Quốc tử giám xưa kia, sử sách không ghi lại có sự kiểm tra lý lịch các môn đồ trước khi nhập môn, mà trái lại đã sử dụng ghi lại rằng các môn sinh giới nhà nghèo, bần cùng vẫn được hưởng nhiều ân huệ; các cuộc thi tuyển chọn nhân tài cho đất nước thường mở rộng cửa cho "thần dân trăm họ", và những người đầu tiên sĩ, bảng nhân, thám hoa... không bắt buộc phải là con dòng cháu giống, có "nòi" ba đời, lý lịch sạch sẽ...

Sự độc lập và vô tư của đại học đã phục vụ đắc lực cho tiến trình phát triển của khoa học bởi vì tiến trình phát triển này là một tiến trình tự phủ định để đạt tới "chân, thiện, mỹ". Sự hình thành các trường phái tư tưởng khác nhau, cách nhìn và giải pháp cho mỗi sự kiện thiên nhiên và xã hội khác nhau có thể đưa tới các tranh luận nhưng mục tiêu sau cùng vẫn là sự đi tìm và phát hiện ra nguyên lý của các vận động tự nhiên của sự vật và của xã hội, tìm ra các giải pháp tối ưu để can thiệp vào các vận động này nhằm xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho xã hội, cho nhân loại. Những tranh luận này chẳng qua chỉ là những dao động bất buộc phải có trong quá trình hoàn thiện và nâng cao tri thức cho loài người.

Có thể ở một góc độ nào đó, một số người coi đại học như là nơi tập trung của một tầng lớp tri thức "sống trong tháp ngà" xa rời cuộc sống thực tế nghèo khổ của nông dân và công nhân, nhất là tại các quốc

gia chậm phát triển, từ đó càng kích và có hướng "dùng tục hóa" hay "thông tục hóa" tri thức đại học. Nếu các nhà cai trị có quan điểm thiên cận này thì đó là điều bất hạnh bởi toàn xã hội phải trả giá đắt cho nó: nếu không có phát kiến mới, xã hội sẽ mãi bị kìm hãm trong những phương thức sản xuất lỗi thời, cuộc sống của các thành viên trong xã hội sẽ mãi bị gói ghém theo một khuôn mẫu khập kỉnh không thể bung ra phát triển được.

"Dùng tục hóa" hiển nhiên không thể đúng nghĩa với "phổ thông hóa" hay "dại chúng hóa" tức là phổ biến các tri thức đại học cho toàn xã hội mà chính là sự hạ thấp vị trí và vai trò của giáo dục, nhất là giáo dục đại học, cũng như giới hạn sự phát triển của nó trong chức năng nghiên cứu và phát minh khoa học nhằm giải phóng xã hội ra khỏi các khuôn sáo lỗi thời. Sự hạ thấp tri thức đại học khiến cho xã hội và nền kinh tế quốc dân thiếu vắng một tầng lớp "sĩ phu", các khoa học và kỹ thuật gia có trình độ chuyên môn cao với kiến thức tổng quát và trình độ lý luận khoa học khả dĩ tạo được các chuyển biến kịp thời và cần thiết cho việc phát triển để theo kịp trào lưu tiến hóa chung của nhân loại.

Bởi vậy nền giáo dục và nhất là giáo dục đại học cần được quan niệm và tổ chức lại để đảm bảo tính thống nhất, độc lập, tự do, dân chủ và thúc đẩy việc thu ngắn khoảng cách giữa giáo dục và đại học Việt Nam so với các nước khác.

Riêng đối với đại học, tập hợp các trường đại học chuyên ngành hiện đang được quản lý mạnh mẽ để thành lập các viện đại học có tầm cỡ là bước đầu của công cuộc đổi mới. Chính các viện đại học sẽ đảm trách các chương trình, đề tài nghiên cứu có tầm cỡ toàn quốc hay vùng với kinh phí do nhà nước chi trả. Các sinh viên theo học đại học phải đóng học phí để góp phần tạo nguồn tài chính nuôi dưỡng các hoạt động của Viện và nhất là các hoạt động nghiên cứu khoa học do Viện tự đề xuất; các viện đại học sẽ trở thành những điểm hội tụ của các nghiên cứu chuyên ngành với sự tham gia của ban giảng huấn có tầm cỡ thuộc các chuyên ngành khác nhau. Việc chuẩn hóa chương trình giáo dục đại học sẽ do Hiệp hội hay Hội đồng giáo dục đại học, gồm đại biểu của các viện đại học, ấn định thông qua việc chỉ định các giáo trình (text books) và sách tham khảo (reference books) căn bản, tuy nhiên việc triển khai môn học vẫn dành ưu tiên cho các giáo sư trực tiếp giảng dạy môn học. Tổ chức Viện Đại học và Hội đồng Đại học toàn quốc hay toàn vùng sẽ đảm bảo được sự thích nghi của chương trình giáo dục đại học với thực tế khách quan của xã hội và nền kinh tế. Tất nhiên để việc cải tổ mang tính khả thi cần có những nghiên cứu chuyên đề thích hợp.

Tuy nhiên, việc cải tổ về phương diện tổ chức, quản lý cũng sẽ không thể khả thi

nếu không có những gia tăng đầu tư tương ứng. Điềm qua các số liệu thống kê về đầu tư của nhà nước trong các năm gần đây cho giáo dục khoa học và văn hóa, chúng ta thấy tổng số đầu tư về hạ tầng cơ sở trong ngành chỉ chiếm khoảng 0,5% trong tổng thu nhập quốc dân hàng năm trong thời kỳ 1980 - 1990 (1); chỉ tiêu điều hành (bao gồm phần chính là chi trả lương) biến động trong khoảng từ 1,6% (năm 1988) đến 4,1% (dự toán cho năm 1990) của tổng thu nhập quốc dân hàng năm kể từ 1986 (2). Những tỉ lệ về đầu tư và chi tiêu ngân sách cho khoa học giáo dục và văn hóa kể trên đã đưa đến các tình trạng thực tế sau:

- Các cơ sở giáo dục (trường ốc, tiện nghi và công cụ giảng dạy) bị xuống cấp thê thảm (trên 50% tổng số cơ sở giáo dục được gọi là kiên cố và bán kiên cố) hoặc ở trong tình trạng tạm bợ, xây cất "mây, tre, lá" tại các vùng nông thôn hay các vùng được gọi là vùng "sâu".

- Tỉ lệ số người đi học trên tổng dân số giảm dần từ 21,4% trong niên học 1986-87 xuống còn 18,7% trong niên học 1989-1990 và trong khoảng gần 600 người dân mới có người đi học đại học (3).

- Tình trạng giáo viên bỏ dạy và học sinh bỏ học kèm theo tình trạng chất lượng giáo dục giảm sút như báo chí đã nhiều lần lên tiếng báo động và phê phán.

Thời kỳ kinh tế bao cấp đã chấm dứt. Tuy nhiên, giáo dục, trong đó giáo dục đại học đóng vai trò dẫn đạo, là một sự nghiệp liên quan đến con người và tương lai của cả dân tộc, bảo đảm sự phát triển nhanh chóng và vững chắc của nền kinh tế; do đó toàn xã hội có trách nhiệm phải lo toan. Điều này có nghĩa là giáo dục vẫn phải là một ngành được bao cấp một phần lớn, nhất là đối với giáo dục phổ cập bỏ buộc.

Để giúp làm nhẹ bớt gánh nặng trong ngân sách nhà nước, giáo dục cần được mở rộng để cho xã hội hay đúng hơn là dân chúng có thể tham gia trực tiếp. Điều này không có nghĩa là mở trường công lập và thu học phí đều các học sinh trung học và phổ thông cơ sở, mà trái lại trong các trường công lập (có thi tuyển) học sinh được học miễn phí và các học sinh giỏi hoặc thuộc diện được nâng đỡ sẽ được cấp học bổng; còn ở cấp đại học, nguyên tắc chung là mọi sinh viên đều phải đóng học phí, tuy nhiên vẫn có những ân huệ dành cho việc đào tạo nhân tài và các thành phần cần được nâng đỡ qua việc miễn giảm học phí hay ngay cả cấp học bổng.

Với chính sách giáo dục mở rộng, các viện đại học tư cũng cần được khuyến khích thành lập, trong đó bao gồm cả các viện đại học được thành lập với sự hợp tác và hỗ trợ về phương diện chuyên môn cũng như tài chính của các tổ chức giáo dục và đại học nước ngoài.

DN.

(1) (2) (3) Nguồn tài liệu: Số liệu thống kê 1976-1990